

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **D Chung cư O, F Á, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Ông **Lê Hữu P**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **D Chung cư O, F Á, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **H** và ông **P** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **G**, huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 25/11/2020.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên **Lê Phúc N**, sinh ngày 28/02/2023. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà **H** trực tiếp nuôi con chung và ông **P** cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị H** và ông **Lê Hữu P** thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà **Bùi Thị H** và ông **Lê Hữu P** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân xã **G**, huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị** cấp ngày 25/11/2020 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà **Bùi Thị H** trực tiếp nuôi con chung tên **Lê Phúc N**, sinh ngày 28/02/2023. Ông **Lê Hữu P** cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2024, thực hiện vào ngày đầu mỗi tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông **P** có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, **Hội L**), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do bà **H** và ông **Phước c**, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà **H** và ông **P** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008024 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên